

HỆ QUẢ QUÁ TRÌNH TIẾP XÚC GIỮA CÔNG GIÁO VỚI TÍN NGƯỠNG BẢN ĐỊA CỦA NGƯỜI VIỆT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG*

Đồng bằng Bắc Bộ là địa bàn mà ở đó tín ngưỡng bản địa của người Việt mang tính tiêu biểu. Đây cũng là địa bàn Công giáo xâm nhập sớm nhất. Theo dã sử mà sách *Cương mục* ghi lại thì năm 1533 đã có sự xuất hiện của giáo sĩ Inêkhô ở Trà Lũ và Nam Chân (đều thuộc tỉnh Nam Định bây giờ), còn nguồn sử liệu chính xác là ngày 19/3/1627 với sự có mặt của giáo sĩ dòng Tên, Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) ở Cửa Bạng (Thanh Hóa). Trong quá trình truyền giáo, phát triển của Công giáo ở Việt Nam thì vùng đồng bằng Bắc Bộ thu được kết quả rất lớn. Hiện ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, Công giáo thiết lập được 7/26 giáo phận trên cả nước. Đó là các giáo phận: Phát Diệm, Bùi Chu, Thái Bình, Hải Phòng, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Hóa, với số lượng tín đồ khoảng 1/3 tổng số tín đồ Công giáo cả nước.

Công giáo là một tôn giáo độc thân nên khi bắt đầu truyền giáo, phát triển đạo vào Việt Nam nói chung và đồng bằng Bắc Bộ nói riêng đã không chấp nhận tôn giáo và tín ngưỡng bản địa. Vậy quá trình tiếp xúc diễn ra như thế nào? Hệ quả ra sao? Đó là những vấn đề mà bài viết đề cập.

Các giáo sĩ Công giáo khi tiến hành truyền giáo ra vùng dân ngoại nói chung và Việt Nam nói riêng, họ thường ít hiểu biết về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng vùng đó. Mặt khác, các giáo sĩ có một quan niệm cố hữu rằng, đó là vùng đất

mà cư dân ở đó thường theo tà giáo, dị giáo nên họ có sứ mệnh cao cả là “đem ánh sáng Tin Mừng” đến chiếu rọi. Vì vậy, những nơi mà Công giáo hiện diện thường là tôn giáo, tín ngưỡng ngoài Kitô giáo đều bị triệt tiêu.

Về vấn đề này, Tòa thánh Rôma không phải không biết đến. Thánh Bộ Truyền bá đức tin, ngày nay là Bộ Phúc âm hóa các dân tộc, vào năm 1659 - năm mà Tòa thánh Rôma ban hành sắc chỉ thành lập hai giáo phận đầu tiên ở Việt Nam: Giáo phận Đàng Trong và Giáo phận Đàng Ngoài, đồng thời cử hai giám mục làm Đại diện Tông tòa là Lamber de la Motte và Pallu đến cai quản hai giáo phận trên, đã căn dặn hai vị này: “Các ngài đừng lo, cũng đừng thuyết phục vì lí do gì mà bảo các dân tộc thay đổi lễ nghi, các tập tục, thói tề của họ, miễn là các điều đó không trái ngược với đạo và các điều luân lí. Còn gì vô lí hơn là đem các thói tục của Pháp, Tây Ban Nha, Italia hay một nước nào khác bên Âu Châu vào trong nước Tàu? Quý vị không cần đem các điều này vào, nhưng chỉ đem đức tin cho họ, đức tin này không loại bỏ, không làm tổn thương tới nghi lễ và các phong tục của các dân tộc hoặc tập quán của họ”⁽¹⁾. Nhưng cả hai

*. PGS.TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Trần Lục, Sách in từ nước ngoài gửi về, không rõ nơi xuất bản, Tài liệu khai thác từ phía Giáo hội Công giáo Việt Nam.

vị Đại diện Tông tòa hầu như phớt lờ lời căn dặn trên. Tuy nhiên, công bằng mà nói về mặt phi quan phương, một số giáo sĩ dòng Tên mà tiêu biểu là Alexandre de Rhodes ngay từ buổi đầu đã có những hiểu biết nhất định về văn hóa Việt Nam, vận dụng một số phong tục, tín ngưỡng truyền thống của người Việt vào trong việc thực hành nghi lễ. Sau này, một vài giáo sĩ dòng Đa Minh và Hội Truyền giáo Paris (MEP) cũng có những việc làm tương tự. Tuy nhiên, kết quả nhỏ bé và khiêm tốn. Mục đích của các giáo sĩ cũng chỉ nhằm vào việc làm sao để truyền giáo, phát triển đạo cho có hiệu quả.

Ngược với các giáo sĩ là giáo dân Công giáo Việt Nam. Những người sinh ra, lớn lên trong mạch nguồn văn hóa Việt nên ít nhiều đều bị văn hóa Việt chi phối.

Khi Công giáo bắt đầu truyền giáo, phát triển đạo vào Việt Nam thì dân tộc Việt Nam đã xác lập được nền văn hóa bản địa hàng nghìn năm. Nền văn hóa đó trong cơ tầng chứa đựng hàm lượng lớn tam giáo (Phật, Nho, Đạo) và các loại hình tín ngưỡng dân gian như thờ trời, thờ thần, thờ mẫu, thờ cúng tổ tiên, v.v...

Người Công giáo Việt Nam có câu nói rất ý nghĩa: Trước khi là người Công giáo, tôi là người Việt Nam. Về góc độ tín ngưỡng, tôn giáo, câu nói trên hàm ý: người Việt Nam dù theo Công giáo nhưng trong sâu thẳm tâm linh của họ là tâm linh của người Việt. Rộng ra là, người Công giáo Việt Nam theo tôn giáo độc thần nhưng sống đạo bằng đời sống tâm linh đa thần. Tất nhiên, không phải ai cũng như ai; tín đồ vùng miền nào cũng như nhau, nhưng suy nhận trên có thể nói là đúng với với đa số tín đồ Công giáo người Việt ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Tục lệ đón tết Nguyên đán

Đây là tục lệ có từ lâu đời của người Việt. Đó trước hết là nghi lễ tế giao thừa ở đình làng. Đó là nghi lễ tế trời đất vào thời khắc chuyển giao năm cũ sang năm mới. Dịp tết đầu xuân là dịp người Việt họp mặt con cháu trong gia đình, cúng bái tổ tiên, họ tộc. Trong ba ngày tết thường là: Mồng một tết cha (bên nội), mồng hai tết mẹ (bên ngoại), mồng ba tết thầy (thầy dạy học).

Người Công giáo Việt Nam có cách đón tết Nguyên đán theo cách riêng của họ. Trong ba ngày tết thì: Mồng một kính lạy Thiên chúa ba ngôi; Mồng hai cầu cho Hội Thánh, mồng ba cầu cho ông bà tổ tiên.

Ở một số xứ, họ đạo Công giáo thuộc giáo phận Thái Bình, dịp tết Nguyên đán, đã tổ chức lễ tế giao thừa ở nhà thờ Công giáo. Tế giao thừa ở nhà thờ Công giáo có từ bao giờ, hiện vẫn chưa có lời giải đáp chính xác. Một số người cho rằng, có từ những năm 30 của thế kỉ XX, những người khác chủ trương có từ lâu đời. Do đây là nghi thức ngoại lễ, mang tính phi quan phương nên chỉ có ở một số nhà thờ xứ, họ đạo thuộc giáo phận Bùi Chu và giáo phận Thái Bình, thuộc quản lí của dòng Đa Minh. Đội tế, hình thức ăn mặc, đàn nhạc, các bước tiến hành nghi thức tế về cơ bản giống như tế giao thừa ở đình làng người Việt. Đáng tiếc, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, hình thức tế ở nhà thờ Công giáo ở hai giáo phận Bùi Chu và Thái Bình vì những lí do khác nhau đã không còn thực hiện.

Tháng 8 năm 1993, tiến hành khảo sát ở xứ đạo Châu Bình, xã Tam Châu, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

chúng tôi được biết mấy năm trước đó, xứ đạo này đã phục hồi nghi thức tế giao thừa ở nhà thờ giáo xứ.

Châu Bình là xứ đạo của giáo dân di cư từ miền Bắc vào năm 1954. Tín đồ trước ngày di cư vốn là những người cư trú rải rác ở hai giáo phận Bùi Chu và Thái Bình (Châu Bình là từ ghép của hai giáo phận Bùi Chu và Thái Bình). Các linh mục dòng Đức Mẹ Đồng công Cứu chuộc, mà người có công đầu là linh mục Phạm Quang Thiệu, đứng ra chiêu tập họ về định cư trên đất nhà dòng, lập nên giáo xứ.

Đoàn tế của giáo xứ Châu Bình gồm 15 người, một chủ tế, hai bồi tế, (Đông xướng và Tây xướng) và 12 tế viên. Phục vụ buổi tế là đội bát âm. Do tế ở nhà thờ Công giáo nên nội dung có nhiều điểm khác biệt với tế giao thừa nơi đình trung của người Việt không theo Công giáo.

Sau đây xin trích một phần nội dung:

Đông xướng: Khởi chinh cổ.

(Một hồi ba tiếng trống, chiêng âm vang)

Đông xướng: Tế chủ độc chúc.

Chủ tế quỳ hai gối, cúi đầu giây lát, ngẩng lên đọc bài: *Nghinh xuân khởi tấu* theo giọng văn tế:

Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Tuế thứ ... niên ...

Chính nguyệt, nguyên đán, nhật tân.

Chúng con cộng đoàn giáo dân Châu Bình xứ

Trước thềm năm mới

Xuân tới muôn nhà

Chung niềm thiết tha

Muôn lòng rộng mở.

Dứt lời văn, chủ tế cúi mình giây lát.

Đông xướng: Ngũ bá vịnh

Chủ tế (đọc bài bá Vịnh thứ nhất)

Đệ nhất kính Thượng phụ chi vị

Đông xướng: Cúc cung bá.

Chủ tế: Chúng con lạy Chúa Cha nhân đức.

Tây xướng: Hương

Ban nhạc: tấu.

Chủ tế: Đã tạo thành vũ trụ bao la

Cỏ cây muôn vật hàng hà

Đông qua xuân lại bốn mùa đổi thay.

Đông xướng: Khởi chinh, cổ.

(Một hồi ba tiếng trống, chiêng âm vang)

...

Nghi thức kết lễ gồm:

Đông xướng: Nghinh xuân lễ tất giai quỳ

(Tất cả cùng quỳ,

Trống cái điểm: Tùng, tùng, tùng, cắc)

Lời nguyện kết lễ.

Chủ tế ban phép lành đầu năm.

Trên đây chỉ là một đoạn trích dẫn ngắn nội dung của tế giao thừa nơi nhà thờ Công giáo. Ở đó là sự suy tôn Thiên Chúa ba ngôi; Là lời nguyện thỉnh cầu cho Hội thánh, Tổ quốc, Giáo xứ. Một điểm khác biệt nữa trong tế giao thừa ở nhà thờ Công giáo là có lời cầu nguyện của Cộng đoàn. Hay nói theo ngôn ngữ nhà đạo là cộng đoàn tín đồ giáo xứ cùng hiệp lễ với ban tế.

Ví dụ ở chủ đề: Thỉnh cầu cho Tổ quốc có nghi lễ và nội dung sau:

Đông xướng: Thỉnh cầu cho Tổ quốc.
 Cộng đoàn (hiệp lễ)
 Xin Chúa thương cách riêng đất nước
 Việt Nam con Tổ quốc quang vinh
 Toàn dân vui sống an bình
 Chung xây đất mẹ thắm xinh tình
 người
 Cho bốn mùa ngát tươi lúa mạ
 Đẹp yên đi sóng cả, giông ba
 Đời này no ấm thái hòa
 Mai sau hưởng phúc hoan ca Thiên đường.
 Ban tế cùng cộng đoàn:
 Chúng ta cùng cầu nguyện
 Xin Chúa nhận lời chúng con⁽²⁾.

Vào dịp tết, ngay từ thời Alexandre de Rhodes truyền giáo ở Đàng Ngoài, ở các khu tín đồ Công giáo sống tập trung, một số gia đình dựng cây nêu đón tết nhưng bên trên gắn hình Thánh giá.

Ngày nay, người Việt theo tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống và người Việt theo Công giáo khi đón năm mới không còn dựng cây nêu. Nhưng cây nêu trên gắn hình Thánh giá lại thấy trồng ở trước cửa nhà Rông của người Bana, người Gia Rai ở Tây Nguyên theo Công giáo.

Từ khi tín đồ Công giáo ở Việt Nam được Giáo hội cho phép thờ kính Tổ tiên thì dịp tết Nguyên đán là dịp tín đồ thực hiện thờ cúng Tổ tiên (Vấn đề này chúng tôi sẽ trình bày ở mục thờ cúng Tổ tiên của người Công giáo).

Về tục thờ thần

Không gian tôn giáo của người Việt nói chung, người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ nói riêng, không chỉ là không gian tam giáo (Nho, Phật, Đạo) mà còn là không gian

của tín ngưỡng thần. Khi các tôn giáo Nho, Phật, Đạo truyền vào Việt Nam thì người Việt đã thờ cúng nhiều vị thần. Chính vì vậy mà tâm thức thờ thần đã ảnh hưởng sâu đậm vào tam giáo. Khi đi vào dân gian, tam giáo dần dần bị dân gian hóa để rồi có lớp Phật giáo dân gian ở chùa Việt; có biến thể của Đạo giáo để hình thành đạo Mẫu; Nho giáo với cốt lõi "Kính Thiên, tế Tổ" - Vua tế trời, đại quan tế thần, dân tế Tổ tiên.

Các vị thần, thánh ngoài số được thờ cúng ở chùa, quán còn lại hầu hết đều được thờ cúng ở cơ sở thờ tự riêng, theo đó là những nghi thức. Người Việt thờ thần trước hết là để cầu xin thần ban phát điều may mắn. Đỉnh cao của việc thờ cúng là lễ hội với lễ và hội mang sắc thái đặc thù tùy theo đối tượng và sự quy định bởi văn hóa mỗi làng xã.

Truyền bá vào vùng đồng bằng Bắc Bộ, Công giáo dù là tôn giáo độc thần nhưng dần dần chịu ảnh hưởng bởi tín ngưỡng thờ thần của người Việt. Dưới đây, chúng tôi lần lượt trình bày một số loại hình tín ngưỡng mà Công giáo chịu ảnh hưởng.

Thờ Mẫu

Tín ngưỡng thờ Mẫu có lẽ là một trong những tín ngưỡng lâu đời nhất của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ. Tín ngưỡng thờ Mẫu ảnh hưởng sâu đậm vào Phật giáo, đặc biệt là Đạo giáo. Do ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Mẫu mà một loại hình tôn giáo biến thể từ Đạo giáo ra đời - Đạo Mẫu.

Tín ngưỡng thờ Mẫu có ảnh hưởng đối với Công giáo như thế nào? Trong các vị

2. Về tế giao thừa ở nhà thờ Công giáo, xin xem: Nguyễn Hồng Dương, *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H. 2001, từ trang 135 - 145.

thánh mà người Công giáo thờ kính có Thánh nữ Maria. Theo tín lí của Giáo hội Công giáo, Đức Maria và các thánh chỉ được thờ kính và không được ban ơn cho tín đồ, chỉ giữ vai trò trung gian “cầu bầu mà xin ơn Đức Chúa Trời” cho tín đồ. Song cùng với thời gian, việc thờ kính Thánh nữ Maria dần dần chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Mẫu ở các phương diện: Cách gọi tên; Quan niệm về quyền năng; Nghi thức thờ cúng.

Cách gọi tên: Do là người dẫn sinh ra Chúa Giêsu nên Thánh nữ Maria được tôn xưng là Đức Mẹ (Người Việt kiêng gọi tên tục). Không dừng lại ở đó, người Việt còn tôn xưng với các tên gọi: Đức Bà, đặc biệt là Thánh Mẫu. Ở một số nhà thờ xứ, họ đạo Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ như Đồng Trì (Hà Nội), Kẻ Sở (Hà Nam),... có khắc biển PHƯƠNG DANH THÁNH MẪU (Danh thơm Thánh Mẫu) bằng chữ Hán. Mỗi chữ một biển. Biển được sơn son thiếp vàng. Vào ngày xứ, họ đạo đi kiệu, biển được cầm đi trước.

Hương ước làng Ninh Phú, Thanh Liêm, Hà Nam, Điều thứ 3 ghi: Việc tế tự: Làng chúng tôi không có việc tế tự gì, phi có rước Thánh Mẫu Phương Danh là kì tháng 3 Tây, kì tháng 5 Tây và kì tháng 9 Tây. Không phải mua lễ vật, không có ăn uống gì⁽³⁾.

Quan niệm về quyền năng: Do tôn xưng Thánh nữ Maria lên hàng Thánh Mẫu và chịu ảnh hưởng của tâm linh thờ Mẫu nên tín đồ Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ đã tôn quyền cho Thánh nữ Maria. Các quyền năng được tôn thể hiện ở ba đặc trưng: Che chở; Ban ơn; Sinh sôi.

Che chở: Ở đây được hiểu như là sự cứu khổ, cứu nạn. Khi khó khăn, hoạn

nạn, khi đau khổ, lúc ốm đau bệnh tật người tín đồ quý, lạy, cầu nguyện sự chở che, cầu cho tai qua nạn khỏi. Người ta thường miết tay vào tà áo, vào bàn tay, bàn chân Thánh Nữ rồi xoa lên mặt hoặc thân thể mình hay lên mặt con trẻ để cầu xin sức khỏe; Một số người ốm đau bệnh tật mang thuốc đến đặt dưới chân Thánh Nữ với hi vọng thuốc đó đưa về uống sẽ khỏi bệnh.

Ban ơn: Tín đồ Công giáo tìm đến Thánh Nữ để xin được ban ơn toại nguyện trong cuộc sống hàng ngày: No đủ, bình an, kiếm được công ăn việc làm hợp ý, học hành đỗ đạt, tình duyên suôn sẻ, thậm chí cả buôn may bán đắt. Dưới chân tượng Thánh Nữ thường bắt gặp tín đồ đến cầu xin ban ơn. Những năm gần đây còn thấy tín đồ thuộc giới trẻ viết những lời cầu nguyện vào những mảnh giấy nhỏ, cầm trên tay cầu nguyện, xong thì “hóa” mảnh giấy đó. Cũng có khi lời cầu xin được viết, khắc vào đá (nếu tượng Thánh Nữ đặt trên núi đá); viết, trở trên lá cây (nếu xung quanh tượng có nhiều cây)...

Sinh sôi: Nói đến Mẫu/Mẹ là nói đến sinh sôi, nảy nở. Đặc trưng này trở thành quyền năng của Mẫu. Thánh nữ Maria cũng được người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ tôn quyền này. Những người hiếm muộn về đường con cái thường đến cầu xin Thánh Nữ cho được sinh con đẻ cái. Con trẻ sinh ra khó nuôi, nhiều gia đình vùng đồng bằng Bắc Bộ đã đem “bán” con trẻ cho Đức Bà. Khi trẻ đến 13 tuổi thì làm lễ, xin về. Đây là hình thức bán khoán trẻ cho đền phủ hoặc cho chùa (Phật) vẫn thấy ở người Việt không Công giáo. Tập

3. Hương ước làng Ninh Phú, Thanh Liêm, Hà Nam, kí hiệu: Hư 2382.

tục này vẫn được nhiều nơi duy trì cho đến ngày nay ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Nghi thức thờ cúng: Từ việc tôn xưng, tôn quyền mà nghi thức thờ cúng Thánh Nữ cũng có sự khác biệt. Tháng Năm được Giáo hội Công giáo chọn là tháng Đức Bà. Với người Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ trong tháng Đức Bà, ngoài thánh lễ được tổ chức ở nhà thờ, tín đồ ở đây còn tổ chức các nghi thức đi kiệu Đức Bà, múa hát dâng hoa (cũng còn được gọi là tiến hoa hay rước hoa). Thời điểm mà tín đồ Công giáo thực hiện múa hát dâng hoa từ khi nào hiện chưa có tài liệu cho biết chính xác về niên điểm. Nhưng qua nguồn tư liệu mà chúng tôi thu thập được thì đã có từ đầu thế kỉ XX.

Múa hát dâng hoa được hiểu là một nghi lễ của tín đồ đối với Thánh Nữ. Nghi lễ này có cả múa và hát. Lời hát là những vần hoa ca ngợi công lao, đức độ Thánh Nữ. Giai điệu hát vẫn được cải biên từ những làn điệu dân ca truyền thống: chèo, trống quân, hát xoan, hát quan họ, kể cả hát ca trù. Khi hát kèm theo các động tác múa như hái hoa, quỳ lạy dâng hoa. Cũng có khi vừa hát vừa xếp hình: mỏ neo (Đức Mẹ là niềm trông cậy), ngôi sao (Đức Mẹ là ngôi sao biển), AV (chữ đầu của Ave Maria - kính mừng Maria). Thực hiện múa hát dâng hoa là hội con hoa. Mỗi hội thường ít nhất có 12 em và một em đánh trống chầu cầm nhịp. Các em là con gái tuổi từ 9 đến 16, có thân hình cân đối, khuôn mặt dễ coi, biết hát và múa. Cũng có thể chọn mỗi hội từ 14 đến 17 em tùy theo đội hình được sắp xếp.

Thông thường vào tháng hoa - Tháng 5, bốn chiếu Chủ nhật của tháng, các xứ, họ đạo thường tổ chức nghi thức dâng hoa. Hương ước làng Vĩnh Trị (Nam

Định), Điều thứ 26 ghi: Làng Công giáo... có bốn kì rước hoa tháng Đức Bà⁽⁴⁾. Nghi thức thường diễn ra trước thánh lễ. Trước tiên là việc đi kiệu hoa. Kiệu kết hoa, trong kiệu là ảnh hoặc tượng Đức Maria. Kiệu được bắt đầu khởi từ trong nhà thờ, linh mục và giáo dân đi kiệu quanh nhà thờ và kết thúc cũng ở trong nhà thờ. Tiếp theo là nghi thức múa hát dâng hoa trong lòng nhà thờ, nơi tiếp giáp với gian cung thánh.

Ở một vài xứ, họ đạo thuộc về dòng Đa Minh, trước Cách mạng còn có nghi lễ tế hoa trong tháng 5. Khác với múa hát dâng hoa do các em gái thực hiện, tế hoa do các ông thực thi. Đoàn tế thường gồm 15 người: 1 chủ tế, 2 bồi tế và 12 tế viên. Chủ tế là người cao tuổi có đức hạnh, hai bồi tế là hai huynh trưởng gương mẫu. Mười hai tế viên thường là những nam giới trung niên, thành viên sốt sắng của xứ, họ đạo. Chúc văn trong tế hoa tháng Năm ca ngợi hạnh tích của Đức Maria. Hình thức thể hiện lời chúc bằng ngâm ngợi; giai điệu tựa như ngâm sống trong chèo cổ. Hoa được dâng theo cặp đôi (hai người một lần dâng cùng một loại hoa). Cuối lễ là lời chúc phúc của chủ tế.

Nghi lễ múa hát dâng hoa nơi nhà thờ Công giáo khiến chúng ta liên tưởng tới nghi lễ lục cúng hoa đăng của Phật giáo, đến hát thờ thánh, thờ mẫu ở đền phủ. Rõ ràng là nghi lễ múa hát dâng hoa đã chịu ảnh hưởng bởi nghi lễ của Phật giáo, Đạo giáo. Còn các hình thức xếp hình, xếp chữ là ảnh hưởng bởi trò diễn xếp hình, xếp chữ trong lễ hội dân gian vùng đồng bằng Bắc Bộ.

4. *Hương ước làng Vĩnh Trị*, Tổng Ngọc Chấn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, lập ngày 30 tháng 12 năm 1937, kí hiệu: Hư 3538.

Thờ thần, thánh

Qua nguồn tài liệu thư tịch (chủ yếu là Hương ước làng Công giáo), đặc biệt là tài liệu điền dã ở một số xứ, họ đạo làng Công giáo thuộc đồng bằng Bắc Bộ, chúng tôi nhận thấy, tín ngưỡng bản địa nơi đây, ngoài việc ảnh hưởng đến thờ kính Thánh nữ Maria đã trình bày ở trên, còn ảnh hưởng đến việc thờ kính thánh quan thầy xứ, họ đạo, đến thánh tử đạo và một số vị thánh khác.

Thánh quan thầy: Theo quan niệm của Công giáo, Thánh quan thầy là vị thánh “bảo trợ” hay coi sóc hoặc quan phòng đời sống của một tín đồ hay một cộng đồng tín đồ. Ảnh hưởng của tín ngưỡng bản địa chủ yếu ảnh hưởng đến việc thờ Thánh quan thầy xứ, họ đạo, làng Công giáo. Truyền bá, phát triển đạo Công giáo vào vùng đồng bằng Bắc Bộ, các giáo sĩ đã nhận ra vị thế làng Việt nên họ thường cố gắng hết mức để có thể biến một làng nào đó thành một làng mà toàn bộ cư dân gia nhập Công giáo. Loại hình làng này gọi là làng toàn tông hay là làng Công giáo⁽⁵⁾. Xin đưa ra một vài dẫn chứng: Hương ước làng Vĩnh Trị, Điều 110 ghi: Làng toàn tông theo Công giáo...⁽⁶⁾; Hương ước làng Lục Thủy (Nam Định), Điều thứ 118 ghi: Làng ta toàn tông đạo Công giáo...⁽⁷⁾; Hương ước làng Trung Linh (Nam Định), Điều thứ 94 ghi: Làng chúng tôi toàn tông Thiên chúa...⁽⁸⁾.

Với làng toàn tông Công giáo thì xứ đạo hoặc họ đạo gắn liền với làng về địa giới, về tên gọi, toàn bộ cư dân đồng thời là tín đồ. Vì vậy, Thánh quan thầy xứ đạo, hoặc họ đạo trở thành Thánh quan thầy làng. Hương ước làng Vĩnh Trị (Nam Định), Điều thứ 26 ghi: tại nhà thờ chính có 2 lễ, trong đó có “Lễ Thánh quan thầy

làng”⁽⁹⁾. Từ việc chuyển đổi Thánh quan thầy xứ đạo, họ đạo thành Thánh quan thầy làng mà người dân - tín đồ tiến thêm bước tiếp theo coi Thánh quan thầy làng như thành hoàng làng. Thành hoàng làng Việt về chức năng cơ bản giống chức năng Thánh quan thầy xứ đạo, họ đạo nên việc chuyển đổi quan niệm đã không làm mất đi quyền năng của các vị thánh Công giáo. Tại sao có sự chuyển đổi quan niệm hoặc tên gọi trong khi chức năng (hay quyền năng) không thay đổi. Lí giải về vấn đề này, theo chúng tôi, chính là người Việt Công giáo đã chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa làng, muốn sống đạo theo tâm linh truyền thống.

Từ việc chuyển đổi trên nên lễ Thánh quan thầy được các hương ước làng Công giáo ghi là một trong những lễ trọng của làng, của xứ đạo, họ đạo. Hình thức tổ chức lễ thánh quan thầy tổ chức như một hội làng⁽¹⁰⁾.

Thánh tử đạo: Thánh tử đạo là những giáo dân, giáo sĩ, tu sĩ chịu chết để giữ đạo. Trước thời điểm 1988, Tòa thánh Vatican đã phong chân phúc tử đạo cho một số người chịu chết để giữ đạo. Ngày 19/6/1988, Tòa thánh Vatican quyết định nâng 117 chân phúc tử đạo lên hàng Hiển Thánh. Từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX,

5. Về khái niệm làng Công giáo xin xem: Nguyễn Hồng Dương, *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) - Từ năm 1829 đến năm 1945*. Nxb Khoa học xã hội, H. 1997.

6. *Hương ước làng Vĩnh Trị*. Sđd.

7. *Hương ước làng Lục Thủy*. Xuân Trường, Nam Định, lập ngày 17 tháng 11 năm 1937.

8. *Hương ước làng Trung Linh*, Xuân Trường, Nam Định, lập ngày 10 tháng 4 năm 1939, kí hiệu: Hư 4122.

9. *Hương ước làng Vĩnh Trị*, Sđd.

10. Nguyễn Hồng Dương, *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H. 2001.

khi những người tử đạo được phong chân phúc tử đạo thì trong các nhà thờ xứ đạo xuất hiện thờ kính họ. Các chân phúc có thể được đắp tượng cũng có khi là ảnh vẽ. Vào giữa nửa thế kỉ XX và những năm tiếp theo, một số xứ, họ đạo có điều kiện đã xây dựng cơ sở thờ tự riêng dành cho thờ kính chân phúc. Dân gian gọi là Đền Thánh. Xin được nêu ví dụ về một trường hợp chân phúc tử đạo - Linh mục Phêrô Lê Tuỳ (giáo dân quen gọi là Cha Thánh Tuỳ). Ông sinh năm 1773 tại giáo họ Bằng Sở, giáo xứ Sở Hạ (trước là xứ Yên Duyên) thuộc giáo phận Hà Nội, tử đạo ngày 11/10/1833; ngày 27/5/1900, Giáo hoàng Leon XIII suy tôn lên bậc chân phúc tử đạo; ngày 19/6/1988 được Giáo hoàng Gioan Phaolô II tôn phong lên bậc Hiển Thánh. Một cơ sở thờ tự dành cho Thánh tử đạo Phêrô Lê Tuỳ được xây dựng ngay trên quê hương Bằng Sở của ông. Giáo dân gọi cơ sở này là Đền Cha Thánh Tuỳ Bằng Sở. Từ khi được xây dựng cho đến nay, ngày nào cũng có hàng chục người cả lương lẫn giáo ở quanh vùng đến cầu xin. Những người đến cầu xin, theo họ, thường là được vì họ quan niệm Cha Thánh Tuỳ rất linh thiêng. Bằng chứng là có tới cả trăm biển tạ ơn mà Ban Hành giáo xếp ở bên ngoài Đền vì không có chỗ gắn. Theo các vị trong Ban Hành giáo xứ thì họ đạo Bằng Sở đang xin nâng thành xứ. Đền Cha Thánh Phêrô Lê Tuỳ và nhà thờ Bằng Sở được bề trên giáo phận Hà Nội chính thức quyết định là trung tâm hành hương của giáo phận.

Về sự linh thiêng của linh mục Phêrô Lê Tuỳ, cuốn *Sách truyện Cha Thánh Lê Tuỳ* viết: *Mấy năm sau, khi cải táng Cha có sự lạ này: xác Cha nằm trong nước trong vát, hương thơm xông ngào ngạt.*

Kẻ ốm đau bệnh tật, hay gặp sự gian nan khốn khó chạy đến xin Cha giúp đỡ đều được như ý. Chính Đức cha Mát Xông (Masson) đã làm chứng điều đó, và ông Bênadô (là người thân cận của Cha như đã nói ở trên đây) cũng quả quyết: nhiều bệnh nhân tuyệt vọng được khỏi bệnh nhờ xin ơn Cha.

Về sau, tin tức đồn thổi khắp nơi là Cha hay làm phép lạ, nên người ta tìm đến khẩn xin đông lắm. Cha xứ và dân làng Bằng Sở chạm trở một tòa bằng gỗ sơn son thếp vàng rất đẹp đặt trên bàn thờ cạnh và để xương của Cha lên tòa ấy. Từ đó lại không có mấy người đến xin khẩn như trước nữa. Nếu có ai đến xin khẩn sự gì mà thấp nển, nển liền tắt.

Sau đó, cha xứ và dân làng Bằng Sở cho rằng: Có lẽ Cha không ưng để xương của Người ở nhà tòa, đặt ngang hàng với Cung Thánh - nơi có mình Thánh Chúa, nên cha xứ và dân làng lại đưa xương thánh của Người xuống gần bàn thờ như trước. Từ ngày ấy, người ta lại nô nức kêu xin và khi thấp nển thì không còn bị tắt nữa⁽¹¹⁾.

Từ trước Cách mạng tháng Tám, giáo xứ Sở Hạ tổ chức lễ giỗ cha Thánh Tuỳ rất trọng thể với hình thức đi kiệu, trong đi kiệu có hát vãn "Vãn cha Thánh Tuỳ" ca ngợi hành trạng, đạo hạnh và hành động tử đạo của cha thánh Phêrô Lê Tuỳ. Xứ đạo còn có *Kinh cha Thánh Tuỳ* và các bài hát tân nhạc: *Hoa thiêng Bằng Sở* và *Mừng cha Thánh Tuỳ*, cả hai bài đều do Hùng Lân sáng tác.

Trên đây chỉ là một ví dụ về một vị thánh tử đạo ở một làng đạo cụ thể. Với

11. *Sách truyện cha thánh Lê Tuỳ*, bản in nội bộ, tr. 12, 13.

các làng Công giáo, xứ, họ đạo khác, với thánh tử đạo khác lại có những hình thức hoặc nghi lễ thờ cúng khác tạo nên sự đa dạng về việc tôn kính thánh tử đạo.

Bằng việc ban ơn, giáng phúc, thánh tử đạo được người Việt Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ chuyển đổi thành phúc thần như những vị phúc thần của làng Lương.

Thánh Tông đồ và một vài vị thánh

Hầu hết các nhà thờ Công giáo Việt Nam đều thờ kính hai Thánh Tông đồ là Phêrô và Phaolô. Ngoài ra, ở nhiều nhà thờ Công giáo còn thờ kính bốn vị thánh chép Phúc âm, được gọi là bốn Thánh sử: Matthêu, Luca, Máccô, Gioan và một vài thánh nữ như Têrêsa, v.v...

Trong một số các vị thánh được thờ kính ở nhà thờ Công giáo, có một số vị thánh được dân gian chức nghiệp hóa "quan phòng" một số lĩnh vực riêng. Việc chức nghiệp hóa của dân gian đối với một số vị thánh thường dựa vào lúc sinh thời vị thánh đó công nghiệp và hành trạng ra sao để khẩn xin. Ví dụ, Thánh Rôcô về hạnh tích và ơn ích thì khi còn sống Thánh có lòng thương giúp bệnh nhân. Vì vậy, khi có bệnh tật, tai ương dịch hạch giáo dân đến khẩn xin vị Thánh này ban cho tai qua nạn khỏi. Thánh Tông đồ Phêrô, trước khi đi theo chúa Giêsu để "lưới người" thì Thánh là ngư phủ. Do vậy, giáo dân sống bằng nghề đi biển hoặc chài lưới sông nước, ngoài việc chọn Thánh Phêrô làm quan thầy, còn thường đến khẩn xin ra khơi vào lộng an toàn⁽¹²⁾. Trong mục *Về thờ phụng Thánh Tông đồ và các thánh* của cuốn *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, chúng tôi đã trình bày khá kĩ về vấn đề này. Ở

đây, chỉ viết thêm một nội dung nhỏ. Trước chúng tôi viết Thánh Antôn được giáo dân chức nghiệp là vị Thánh cứu giúp người nghèo, với bức tượng là Thánh tay cầm bánh mì ban phát. Tuy nhiên, đợt điều tra nghiên cứu thực tế tại họ Bằng Sở, xứ Sở Hạ, giáo phận Hà Nội chúng tôi được chứng kiến giáo họ dành một gian riêng trong khu nhà dẫy để thờ kính Thánh Antôn. Trước cửa vào gian thờ có dán hai tờ giấy ghi kinh cầu xin và kinh khẩn Thánh Antôn. Xin được dẫn nguyên văn.

Kinh cầu xin Thánh An tôn

Lạy Thánh Antôn là đáng cứu thế trước mặt Chúa để cứu chữa người ta khỏi chết, khỏi hoạn nạn tai ương và khỏi ma quỷ ôn dịch. Nhờ ơn Người kẻ ốm đau bệnh tật được lành mạnh, kẻ giam cầm được ra khỏi tù đày, kẻ mất của tìm lại được của đã mất. Vì vậy, con hết lòng trông cậy chạy đến cùng Người, xin Người lấy quyền pháp mà ban cho chúng con được ơn con cầu xin.

Lạy Thánh Antôn hay làm phép lạ
Cầu cho chúng con. Amen.

Kinh khẩn Thánh Antôn

Lạy Thánh Antôn là thánh cả, là cha rất nhân lành, đã được phép riêng của Đức Chúa Trời ban để người ta tìm thấy những của đã mất, xin thương giúp con, cho con tìm thấy của đã mất, cho con trông cậy vững vàng biết bao thánh ý Chúa và cho con được hạnh phúc đời đời.

Amen.

Lạy Thánh Antôn hay làm phép lạ

12. Xem Nguyễn Hồng Dương, *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*. Sđd, mục *Về thờ phụng Thánh Tông đồ và các Thánh*, tr. 318 - 322.

Cầu cho chúng con. Amen.

Vậy là vị Thánh này, ít ra là với giáo dân giáo họ Bằng Sở, đã trở thành vị Thánh cứu khổ cứu nạn cho tất cả giáo dân, chứ không chỉ cho người nghèo.

Vấn đề thờ cúng Tổ tiên⁽¹³⁾

Về mặt quan phương, cho đến trước khi Thánh bộ Truyền giáo La mã ban hành *Huấn dụ Plane Compertum est* ngày 7/12/1939 thì Công giáo ở Việt Nam không được thực hiện thờ cúng Tổ tiên. Theo tinh thần Huấn dụ Plane Comper tum est áp dụng ở Trung Hoa, Hội nghị Giám mục Việt Nam xin theo và đến ngày 20/10/1964 được Tòa thánh La mã chấp thuận. Việc thờ cúng hay tôn kính Tổ tiên thời gian đầu chỉ được áp dụng đối với Giáo hội Công giáo miền Nam vì cho đến trước ngày miền Nam giải phóng (30/4/1975), đất nước ta tạm chia làm hai miền. Tuy nhiên, thời gian này việc áp dụng còn hết sức dè dặt. Phải đợi đến khi đất nước thống nhất, Giáo hội Công giáo Việt Nam hòa làm một và đặc biệt khi ra đời Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam, vấn đề thờ cúng Tổ tiên của người Công giáo Việt Nam mới được thực hiện rộng rãi. Những cuộc điều tra xã hội học của Viện Nghiên cứu Tôn giáo thực hiện cuối thế kỉ XX cho thấy tỉ lệ người Công giáo thực hành tôn kính Tổ tiên ở Việt Nam có tỉ lệ rất cao, từ 90 - 100%. Cùng thời điểm, một đề tài nghiên cứu của người Công giáo cho thấy 100% người Công giáo ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Qui Nhơn, Xuân Lộc, Cần Thơ, Đà Lạt thực hành tôn kính Tổ tiên⁽¹⁴⁾.

Nhưng đây là xét về mặt quan phương.

Còn về phi quan phương thì sao?

Với người Việt, thờ cúng Tổ tiên vừa thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn vừa là một tín ngưỡng. Có thể người Việt không theo một tôn giáo nào nhưng không ai là không thờ cúng Tổ tiên. Thờ cúng Tổ tiên được xem là đạo - đạo Ông Bà. Vì vậy, người dân Việt khi gia nhập Công giáo, đoạn tuyệt với đạo Ông Bà đã có không ít người vẫn bị níu kéo. Ở xứ đạo Lưu Phương (Kim Sơn, Ninh Bình), có tín đồ theo đạo lên đến chức trùm trưởng họ đạo vẫn thờ cúng Tổ tiên trong chum. Ở xứ đạo Đồng Trì (Thanh Trì, Hà Nội), có tín đồ gia nhập đạo để được kết hôn với cô gái làng đạo nhưng đến ngày giỗ tổ, giỗ ông bà vẫn lén lút về quê tham dự thờ cúng Tổ tiên.

Hương ước các làng Công giáo ở vùng đồng bằng Bắc Bộ cho thấy nhiều làng có các hình thức thờ cúng Tổ tiên, thờ tiên nhân lập làng hoặc có công khai khẩn làng.

Hầu hết các làng ấp ở huyện Kim Sơn (Ninh Bình) đều có hình thức tôn kính những vị khai canh lập làng được gọi là chiêu mộ, nguyên mộ, thứ mộ dù rất nhiều làng ấp là làng toàn tông Công giáo. Các làng ấp còn thờ phụng quan Doanh điền Nguyễn Công Trứ, người mà năm 1829 chiêu dân khai khẩn lập ra 60

13. Có thể xem một số công trình nghiên cứu của Nguyễn Hồng Dương về vấn đề này như:

- *Vấn đề thờ cúng Tổ tiên của người Công giáo Việt Nam*, Báo cáo khoa học tại cuộc tọa đàm: *Tôn kính Tổ tiên nơi người Công giáo*, Tòa tổng Giám mục Huế, tháng 10/1999.

- *Bước đường hội nhập văn hóa dân tộc của Công giáo Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 1 (1), 1999.

- *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr. 202 - 260.

14. Phạm Thị Bích Hằng, *Vấn đề thờ kính tổ tiên trong nền văn hóa đương đại Việt Nam*, Luận văn Cử nhân.

thôn ấp để thành lập một huyện mới - huyện Kim Sơn.

Làng Công giáo Lưu Phương (Kim Sơn, Ninh Bình), hàng năm vào tháng 7 âm lịch - tháng báo hiếu, tổ chức kỉ niệm chiêu mộ và truy tư tiên nhân 2 ngày. Một ngày tốt được lựa chọn trong tháng để mở đầu lễ kỷ niệm. Ngày ấy ở miếu Lưu Phương (cơ sở thờ tự của lương dân) có diễn ra lễ tế nhắc đến công lao các vị chiêu mộ, nguyên mộ có công khai khẩn đất đai. Dự lễ tế là các dịch mục, kì mục, trong số họ phần lớn là người Công giáo. Làng Công giáo Văn Hải (Kim Sơn, Ninh Bình) có tục thờ các chiêu mộ, nguyên mộ tại miếu Văn Hải (cơ sở thờ tự của giáp lương). Đến tiết kỉ niệm chiêu mộ, nguyên mộ, dịch mục, kì mục là những người theo Công giáo đến dự. Làng Công giáo Tử Nê (Lương Tài, Bắc Ninh) có nghi thức thờ kính Tổ tiên ngày cuối năm và ngày mồng 2 tết Nguyên đán. Theo tục lệ, từ trước năm 1945, vào ngày cuối năm, thường là vào buổi chiều, con cháu ra nghĩa địa - người Công giáo gọi là vườn thánh, sửa sang lại mồ mả, ông bà Tổ tiên. Buổi tối ngày cuối năm, con cháu chi tộc nội ngoại nào về chi tộc ấy, tế tự tại nhà trưởng tộc, trước giao thừa để cầu nguyện cho tiên nhân. Đây cũng là dịp con cháu gặp gỡ, trao đổi, thắt chặt mối dây huyết tộc. Kinh cầu là những kinh trong *Sách bốn* và 50 kinh Kính mừng với ý chỉ cho tổ tiên. Thời gian cầu nguyện khoảng 1 giờ, sau đó là giao lưu. Ngày mồng 2 tết, giáo xứ có thánh lễ với nội dung: Cầu cho ông bà Tổ tiên. Trong thánh lễ, linh mục dâng lễ rất long trọng. Sau thánh lễ cộng đồng giáo dân tập trung đến chúc tết linh mục xứ.

Lễ cầu cho tiên nhân còn thấy ghi chép trong hương ước một số làng Công giáo. Hương ước làng Trung Linh (Xuân Trường, Nam Định), Điều thứ 94 ghi: Làng chúng tôi toàn tông Thiên Chúa giáo, trong một năm có hai kì làm lễ:

1. Lễ quan Thượng thư, hương hội phải hội họp cùng bàn bạc sắm sửa lễ vật cho trọng thể.

2. Lễ kì hồn, cầu cho tiên tổ và viếng mộ⁽¹⁵⁾.

Hương ước làng Vinh Trị (Nghĩa Hưng, Nam Định), Điều thứ 26 ghi:... Tại nhà thờ chính: Lễ cầu cho tiên nhân làng⁽¹⁶⁾.

Giáo hội Công giáo lấy ngày 2 tháng 11 hằng năm để cầu cho tín hữu đã qua đời, hoặc cầu cho các linh hồn nơi luyện ngục. Theo quan niệm Công giáo, khi chết, nếu một người nào đó phạm tội nhẹ, linh hồn không đến mức sa Hỏa ngục và cũng không được lên Thiên đàng, thì linh hồn phải ở nơi Luyện ngục. Ở nơi này, nếu linh hồn họ được thân nhân cầu nguyện sẽ có thể được lên Thiên đàng.

Trong hương ước một số làng Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ, lễ ngày 2 tháng 11 gọi là lễ kì (cầu) hồn. Đây là một lễ trọng của làng. Chẳng hạn như Điều thứ 94, Hương ước làng Công giáo Trung Linh mà chúng tôi đề cập ở trên. Hương ước làng Công giáo Phú Nhai (Nam Định), Điều thứ 118 cho biết làng có lễ kì (cầu) hồn vào ngày mồng 2 tháng 11⁽¹⁷⁾. Hương ước làng Lục Thủy (Nam Định), Điều thứ 118 ghi: Làng ta toàn

15. Hương ước làng Trung Linh, Sđd.

16. Hương ước làng Vinh Trị, Sđd.

17. Hương ước làng Phú Nhai (Nam Định), lập ngày 15/11/1938, kí hiệu: Hư 4232.

tòng đạo Công giáo thì phải dự liệu trong một năm có 4 tuần lễ trọng: Lễ Phục sinh, Quan thầy, Lễ kì an, Lễ kì hôn⁽¹⁸⁾.

Việc cầu nguyện cho người qua đời đối với người Công giáo, ngoài ngày 2 tháng 11 hằng năm là ngày lễ kì hôn, giáo dân còn có những ngày cầu nguyện khác. Đến ngày giỗ người qua đời, giáo dân thường gặp linh mục xin lễ bàn thờ. Cuối thánh lễ, linh mục sẽ rao trước cộng đồng tên thánh người quá cố. Sau đó, cộng đồng hiệp nguyện cho người quá cố. Buổi tối ngày giỗ, nhiều gia đình tụ họp con cháu đọc kinh cầu. Bà con, anh em họ hàng, cũng có thể là bà con lối xóm cùng đến thông công.

Với những người không có con trai để lo việc cầu cúng, nếu có điều kiện họ thường cúng hậu vào nhà xứ. Việc cúng hậu thường là ruộng đất, cũng có khi là tiền. *Lập hậu bi ký* đặt ở giáo xứ Phùng Khoang (Thanh Trì, Hà Nội) cho biết: Bà Vũ Thị Lý quê ở phủ Thọ Xương, xuất gia tư 100 quan, ruộng một mẫu, một sào, tám thước, chín tấc cho xứ Phùng Khoang. Bia lập năm 1893. Cũng bia trên còn cho biết, bà Vũ Thị Lãng có số ruộng tư các xứ là 16 thửa của cha mẹ để lại phục canh ở làng Phùng Khoang, nay lấy số ruộng này kí hậu cho cha là Bảo lộc Vũ Đình Hưng, mẹ là Anna Nguyễn Thị Tấn và ba em trai là Bảo lộc Vũ Đình Chính, Phêrô Vũ Đình Chung, Bảo lộc Vũ Đình Dũng vào giáp giáo làng Phùng Khoang. *Bia hậu ký* ở họ đạo Tiên Đồi Ngoại (Hải Phòng) cho biết, họ đạo có ngôi vị hậu thánh Đinh Bách Cốc. Trong khi đó, *Xuân hòa hậu bi* (Hải Phòng) lại cho biết, hằng năm đến tết Nguyên đán, xứ, họ đạo phải sửa lễ đến chúc mừng cụ Phạm Thị Ân, 95 tuổi - người được bầu vị hậu

thánh. Sau này, khi cụ qua đời, hằng năm đến ngày giỗ, xứ họ phải làm lễ cầu hôn⁽¹⁹⁾. Ở xứ đạo Tử Nê (Lương Tài, Bắc Ninh), có cụ bà tên là Tình cúng một quả chuông mua ở chùa cho nhà thờ. Vì vậy, dân làng gọi cụ là cụ Hậu Tình, v.v...

Cúng hậu hay gửi hậu để được dân làng thờ hậu và cúng giỗ khi qua đời là một loại hình tín ngưỡng có từ lâu đời của người Việt. Loại hình tín ngưỡng này đã ảnh hưởng đến người Việt Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ.

Một vài nghi tiết khác

Người Công giáo ở vùng đồng bằng Bắc Bộ ngoài việc chịu ảnh hưởng từ tín ngưỡng bản địa mà chúng tôi đề cập ở trên còn chịu ảnh hưởng bởi một số nghi tiết như: Lễ cầu an (kì yên), tết Đoan Ngọ, tết cơm mới, lễ hạ điền. Nhân đây chúng tôi xin được đính chính khi viết: Làng giáo không có những nghi lễ hạ điền, thượng điền, tết cơm mới mà chúng tôi viết trong cuốn *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) từ năm 1829 đến năm 1945*⁽²⁰⁾. Đó là do hạn chế về nguồn tư liệu mà chúng tôi nghiên cứu vào thời điểm đó.

Về nghi lễ cầu an (kì yên) và cầu mùa, ngày 16/4/1872, trong một Thư chung gửi Giáo phận Tây Đàng Ngoài, Giám mục Bảo Lộc Phước (Puginier) lập trong giáo phận phép kiệu cầu được bằng yên và được mùa. Cuối Thư chung Giám mục Phước đã nêu:

18. *Hương ước làng Lục Thủy*, Sđd.

19. Nguyễn Hồng Dương, *Đời sống đạo của tín đồ Công giáo qua văn bia và hương ước vùng đồng bằng Bắc Bộ đến cuối thế kỉ XX*, trong cuốn *Sống đạo theo cung cách Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, 2004.

20. Nguyễn Hồng Dương, *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) từ năm 1829 đến năm 1945*, Sđd, tr. 184.

1- Từ nay mà đi các xứ hằng năm phải kiệu cầu cho được bằng an và được mùa trong ngày lễ Ông thánh Máccô⁽²¹⁾ và ba ngày trước lễ Đức chúa Giêsu lên trời⁽²²⁾.

2- Chính phép đi kiệu này thì ra ngoài đồng.

3- Thày cả bản xứ phải truyền cho bốn đạo dọn đường đi kiệu cho được rộng rãi, bằng phẳng⁽²³⁾.

Hương ước một số làng Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ thấy ghi lễ kì an (cầu yên) là một trong lễ trọng của làng như Hương ước làng Nam An (Hải Phòng)⁽²⁴⁾. Lễ kì an là một trong tám lễ trọng của làng. Ở xứ đạo Lưu Phương (Ninh Bình), lễ cầu yên và được mùa tổ chức theo đúng nghi thức mà Thư chung ngày 16/4/1872 đã nêu. Hằng năm đến tiết lễ, một thánh lễ được diễn ra ở nhà thờ. Cuối buổi lễ, xứ đạo tổ chức đi kiệu từ nhà thờ xứ ra ngoài đồng. Linh mục rải nước phép xuống ruộng, cùng giáo dân cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Vào giữa những năm 30 của thế kỉ XX, ở họ đạo Tân An (xứ đạo Lưu Phương) có sâu phá lúa, lễ cầu an được tổ chức vào buổi tối. Giáo dân đốt đuốc, rước kiệu ra ngoài đồng. Mọi người cùng cầu kính và cầu xin chúa Trời trừng phạt sâu bọ⁽²⁵⁾.

Hương ước một số làng Công giáo thấy ghi có thực hiện lễ hạ điền và lễ cơm mới. Hương ước làng Mĩ Đình (Thái Bình) Điều thứ 28 ghi: Hằng năm cứ đến ngày 29 Jum (tháng Bảy) đồng dân tề tựu tại

nhà thờ xem lễ, cầu nguyện cho được mùa, rồi bắt đầu cấy gọi là hạ điền⁽²⁶⁾.

Về lễ cơm mới thấy ghi ở hương ước một số làng như Hương ước làng Phú Nhai (Nam Định), Hương ước làng Lục Thủy (Nam Định).

Về tết Đoan ngo, người Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ thực hiện nghi tiết này nhưng lại tạo cho nó một nội dung mới. Tết Đoan ngo là dịp để con cháu đi tết bố mẹ, ông bà, gặp gỡ anh em họ hàng để nhận nhau. Quà tết là sản vật nông nghiệp như đỗ, lạc, có thể là gà. Đây là dịp để anh em, họ hàng gặp gỡ và tỏ sự quan tâm tới bố mẹ, ông bà.

Ảnh hưởng của tín ngưỡng bản địa đến đời sống đạo của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ mang tính phi quan phương nên mức độ có sự đậm nhạt khác nhau ở mỗi làng Công giáo. Hoặc có thể thấy ở làng này mà không thấy ở làng khác. Mặt khác, do hạn chế về mặt tư liệu nên có thể chúng tôi chưa đề cập hết. Vấn đề sẽ được trở lại khi có điều kiện và tư liệu mới./.

21. Lễ thánh Máccô vào ngày 25 tháng 4.

22. Lễ chúa Giêsu lên Trời không cố định vào một ngày cụ thể, nó được tính sau lễ Phục sinh 40 ngày.

23. *Sách thuật lại các Thư chung Địa phận Tây Đàng Ngoài*, In tại Kẻ Sở, 1908.

24. *Hương ước làng Nam An (Hải Phòng)*, lập tháng Giêng, 1936.

25. Nguyễn Hồng Dương, *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) từ năm 1829 đến năm 1945*, Sđd, tr. 185.

26. *Hương ước làng Mĩ Đình (Thái Bình)*, lập ngày 24/8/1936, kí hiệu: Hư 2879.